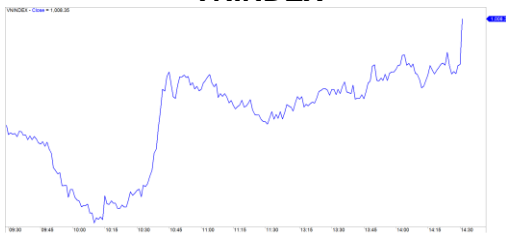


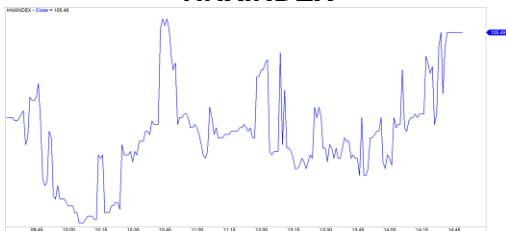
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,008.35	105.49	57.02
% ngày	0.54%	0.32%	0.19%
% tuần	-0.98%	-1.37%	0.39%
% tháng	1.94%	0.01%	0.99%
% năm	10.07%	1.48%	9.05%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,560	235	155
TB 1 tuần	4,836	308	233
TB 1 tháng	4,249	387	246
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	773.42	5.75	39.52
Bán	800.43	8.16	10.01
Giá trị ròng	-27.01	-2.40	29.51
Độ rộng TT			
Mã Tăng	154	62	133
Mã Giảm	129	65	112
Không Đổi	105	242	658
Chỉ số chính			
P/E	16.40	9.22	17.60
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,427	190	972
LS Cổ tức	1.51%	4.83%	5.21%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index ghi nhận phiên hồi phục khi tiệm cận ngưỡng 1,000 điểm. Chỉ số đóng cửa tăng 0.54% đóng cửa tại 1008.35 điểm. Chỉ số HNX-Index nổi gót khi tăng 0.32% dừng tại 105.49 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường sụt giảm nhẹ so với phiên liền trước với hơn 3,500 tỷ đồng.

Thị trường mở cửa giao dịch khá thận trọng. Tuy vậy, tác động từ đà hồi phục của nhóm bluechip trong phiên chiều giúp các chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất phiên. VNM ghi nhận phiên hồi phục mạnh 3% sau nhịp giảm sau vừa qua khi từ mức 120,000 đồng. Nhóm Ngân hàng cũng hồi phục dẫn đầu bởi VCB(+3.9%) cùng với TCB(+1.2%), MBB(+0.7%), VPB(+0.5%)... FPT(+1.4%), MWG(+1%) hay VHM mặc dù kết phiên chỉ tăng nhẹ +0.2% nhưng có lực tăng hơn 2% trong phiên. Nhóm Mid-Cap cũng giao dịch tích cực khi VNINDEX tăng 0.42% nội bật là FLC tăng kịch trần hay HSG(+3.2%), BMP(+3.3%), HAG(+3%), CII(+2.9%), DRC(+2.4%), PHR(+2.3%)... Dòng tiền đầu cơ vẫn hoạt động sôi động như HVG(+6.9%), AMD(+6.9%), HAI(+7%), TTF(+6.1%)...

Khối ngoại giao dịch cân bằng trở lại. Trong đó VNM không còn bị rút ròng mạnh. VIC(-45.3 tỷ), VJC(30.6 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VRE(104.2 tỷ), BSR(15.2 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 1,015 điểm. Đồng thời, mức độ biến động thị trường tiếp tục suy yếu và tâm lý nhà đầu tư vẫn còn thận trọng cho thấy thị trường vẫn đang trong trạng thái tích lũy và dòng tiền ngắn hạn sẽ tiếp tục phân hóa. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ nhưng không đáng kể cho thấy chiến lược ngắn hạn là duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 1,021.83 điểm của chỉ số VN-Index và 107.74 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục cơ cấu lại danh mục để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và hạn chế mua đuổi ở các nhịp tăng điểm. Đồng thời, các nhà đầu tư nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu để tìm cơ hội ngắn hạn.

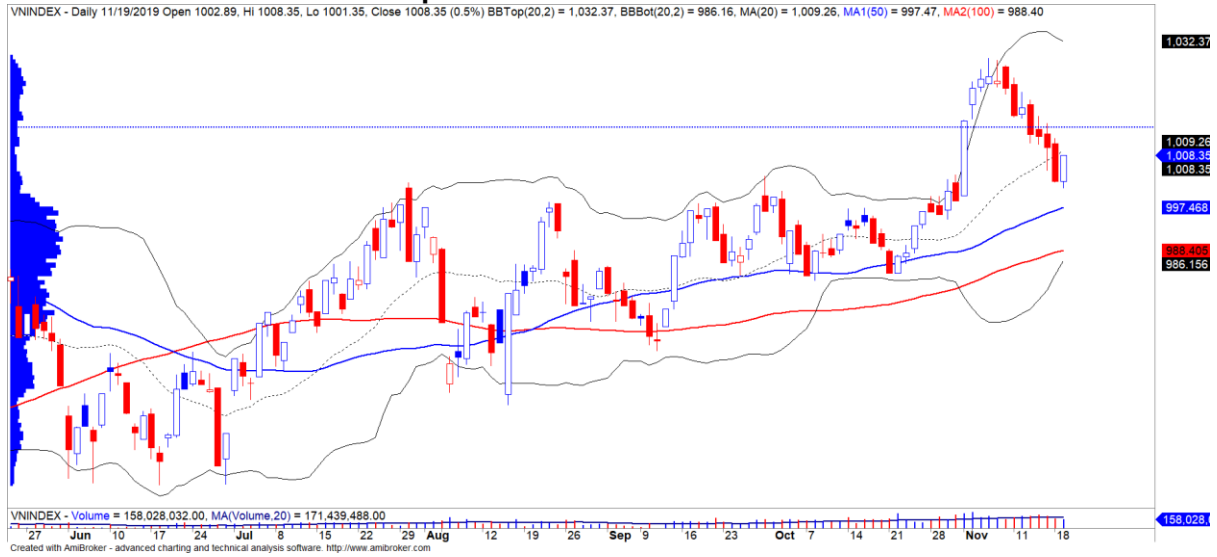
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 41% cổ phiếu/59% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

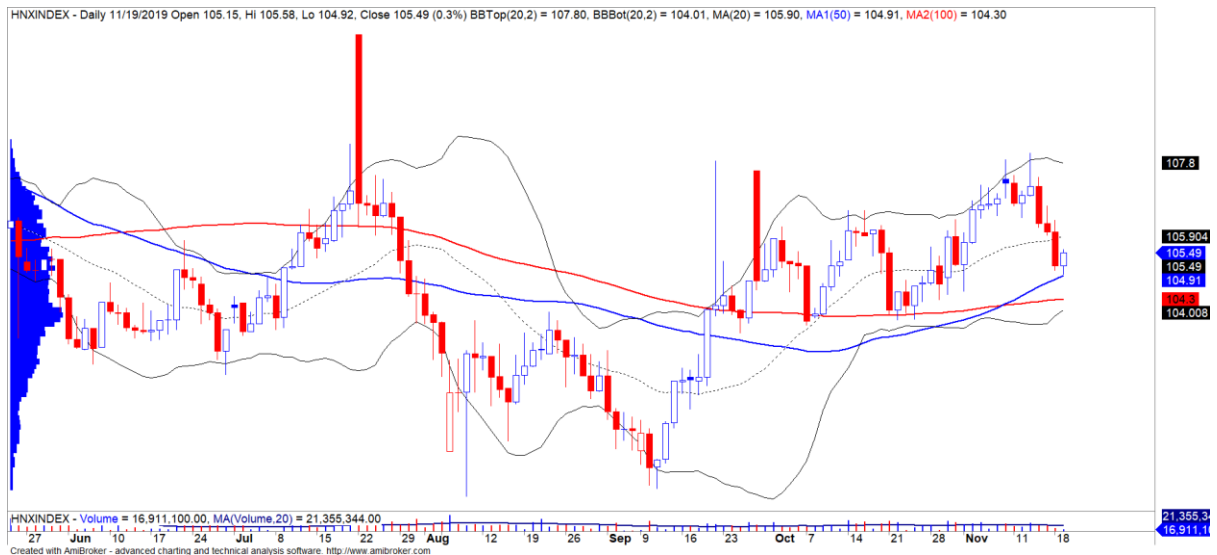


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.00	GIẢM	GIẢM		15.66				16.59		
ACB	24.20	GIẢM	TĂNG		25.04			24.00	22.32	0.83%	
ACV	76.00	GIẢM	GIẢM		78.35				82.57		
ANV	25.80	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.27	GIẢM	GIẢM		6.52			6.66	6.38	-4.25%	BÁN
BFC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.02				16.55		
BID	41.65	TĂNG	TĂNG	40.80	40.99	2.08%		33.40	37.33	24.70%	
BMP	54.00	TĂNG	TĂNG	54.00	53.83	0.00%	MUA	48.30	48.32	11.80%	
BSR	10.20	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	2.00%			10.51		
BVH	72.50	TĂNG	GIẢM	74.00	71.81	-2.03%			75.79		
BWE	23.90	GIẢM	GIẢM		24.59				27.54		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.75				10.27		
CII	24.70	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	1.02%	
CMG	38.55	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	-0.90%		23.20	34.96	66.16%	
CMX	15.45	GIẢM	GIẢM		17.85				23.05		
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		14.93			14.39	14.22	1.46%	
CTD	71.00	GIẢM	GIẢM		72.22				86.30		
CTG	21.50	GIẢM	TĂNG		22.28			22.00	20.78	-2.27%	
CTR	49.50	TĂNG	N/A	46.50	47.38	6.45%		-	N/A		
CVT	22.55	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	10.81%	
DCM	7.00	GIẢM	GIẢM		7.22			7.63	7.15	-6.34%	BÁN
DGC	26.50	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-2.57%			28.91		
DGW	25.80	GIẢM	TĂNG		26.81			23.50	23.69	9.79%	
DHA	30.60	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-3.92%			32.52		
DHC	38.35	TĂNG	TĂNG	33.00	37.71	16.21%		37.70	34.08	1.72%	
DHG	93.60	TĂNG	GIẢM	93.50	93.16	0.11%			99.56		
DIG	13.70	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.44%	
DPG	48.70	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	4.51%			50.61		
DPM	13.70	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-8.36%	
DPR	38.50	TĂNG	GIẢM	37.60	37.76	2.39%			40.40		
DQC	16.75	GIẢM	GIẢM		17.38				19.02		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.94%	
DXG	15.50	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-4.91%		15.50	14.86	0.00%	
EIB	18.35	TĂNG	TĂNG	17.40	17.53	5.46%		18.40	15.71	-0.27%	
FCN	11.15	GIẢM	GIẢM		11.65				13.25		



We Create Fortune

FMC	27.25	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-13.77%	
FPT	58.30	GIẢM	TĂNG		60.44			46.00	54.99	26.74%	
GAS	107.50	TĂNG	GIẢM	104.50	105.51	2.87%			109.55		
GEX	21.00	TĂNG	TĂNG	21.50	20.15	-2.33%		20.20	20.77	3.96%	BÁN
GIL	19.30	GIẢM	GIẢM		20.31				22.88		
GMD	25.00	GIẢM	TĂNG		25.62			28.50	24.57	-12.28%	
GTN	20.85	GIẢM	TĂNG		21.87			15.00	18.98	39.00%	
GVR	13.70	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-5.52%			N/A		
HAG	4.10	GIẢM	GIẢM		4.18				4.73		
HAX	17.35	GIẢM	GIẢM		18.78				22.47		
HBC	11.85	GIẢM	GIẢM		12.37				14.29		
HCM	24.65	GIẢM	TĂNG		26.02			23.40	21.97	5.34%	
HDB	28.80	GIẢM	TĂNG		29.66			28.00	27.29	2.86%	
HDC	23.30	TĂNG	TĂNG	23.30	22.47	0.00%		15.25	20.01	52.79%	
HDG	34.50	GIẢM	TĂNG		35.64			35.30	32.61	-2.27%	
HNG	14.75	GIẢM	GIẢM		15.26				16.29		
HPG	22.80	TĂNG	GIẢM	22.20	22.06	2.70%			23.82		
HSG	8.15	TĂNG	TĂNG	7.19	7.43	13.35%		7.75	7.42	5.16%	MUA
HT1	14.90	GIẢM	TĂNG	15.34	14.93	-2.69%	BÁN	16.90	13.90	-11.83%	
HUT	2.60	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	8.33%			2.71		
HVN	34.75	GIẢM	GIẢM		36.33				36.93		
KBC	14.85	TĂNG	TĂNG	14.90	14.50	-0.34%		15.35	13.91	-3.26%	
KDH	26.00	GIẢM	TĂNG		26.99			24.00	24.58	8.33%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02				21.10		
LCG	8.55	TĂNG	GIẢM	8.55	8.24	0.00%			9.32		
LDG	10.05	GIẢM	GIẢM		10.60			9.89	10.08	1.90%	BÁN
LHG	16.35	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	4.81%			16.89		
LPB	8.00	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	3.90%			8.13		
MBB	22.75	GIẢM	TĂNG		23.38			21.85	21.83	4.12%	
MPC	21.90	GIẢM	GIẢM		22.84				27.11		
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		76.77				81.14		
MSR	15.10	TĂNG	GIẢM	17.20	14.93	-12.21%			17.20		
MWG	119.00	GIẢM	TĂNG		122.31			88.70	114.78	34.16%	
NDN	16.90	GIẢM	TĂNG		17.05			13.70	16.27	23.36%	
NKG	6.24	TĂNG	GIẢM	5.84	6.17	6.85%			6.45		
NLG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.22%		28.70	26.73	-1.57%	
NT2	23.00	GIẢM	GIẢM		23.46				24.51		
NTL	22.25	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-2.84%			25.17		
NVL	58.30	GIẢM	GIẢM		59.33				63.39		



We Create Fortune

OIL	10.00	GIẢM	GIẢM		10.24				11.75	
PAC	26.20	GIẢM	GIẢM		27.24				29.79	
PC1	19.10	TĂNG	TĂNG	20.30	19.06	-5.91%		21.10	18.48	-9.48%
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			29.00	25.01	-10.00%
PHR	57.80	GIẢM	GIẢM		58.56				65.37	
PLX	60.00	TĂNG	GIẢM	59.30	58.65	1.18%			61.98	
PNJ	84.50	TĂNG	TĂNG	81.90	83.11	3.17%		104.00	78.69	-18.75%
POW	13.75	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	6.59%			13.98	
PVT	17.90	TĂNG	TĂNG	17.30	16.96	3.47%		18.30	16.28	-2.19%
PPC	27.05	TĂNG	GIẢM	26.20	26.03	3.24%			28.36	
PTB	73.30	GIẢM	TĂNG		75.19			64.00	68.51	14.53%
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.81			20.10	18.62	-4.48%
PVD	16.40	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-3.24%		18.10	15.96	-9.39%
PVI	31.70	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-4.52%			35.44	
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-2.07%			20.75	
PXS	5.97	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	25.42%		6.20	4.71	-3.71%
QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	29.40	29.58	3.74%		33.80	27.80	-9.76%
REE	38.00	TĂNG	TĂNG	37.95	36.80	0.13%		33.33	35.23	14.03%
SAB	251.00	GIẢM	GIẢM		255.38				270.96	
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.20			7.40	7.51	8.11%
SCR	5.70	GIẢM	GIẢM		5.84				6.51	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39			6.99	8.30	28.76%
SJS	16.20	TĂNG	GIẢM	15.30	15.16	5.88%			16.88	
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.55				11.70	
SSI	21.10	GIẢM	GIẢM		21.76				22.27	
STB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.06				11.09	
TCB	24.75	GIẢM	TĂNG		25.46			22.65	22.56	9.27%
TCM	20.05	GIẢM	GIẢM		21.11				24.78	
TDH	10.05	GIẢM	GIẢM		10.31				11.45	
TLH	4.34	TĂNG	GIẢM	4.06	3.79	6.90%			4.43	
TNG	14.20	GIẢM	GIẢM		15.17				18.22	
VCB	91.00	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.00	46.77%
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		19.20	25.02	42.19%
VCS	86.90	GIẢM	GIẢM		89.70				101.83	
VGC	18.60	GIẢM	GIẢM		19.12				20.49	
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66				9.49	
VHC	78.90	GIẢM	GIẢM		80.41				87.01	
VHM	96.50	GIẢM	TĂNG		100.18			90.20	89.66	6.98%
VIB	17.60	GIẢM	TĂNG		18.23			17.70	16.56	-0.56%



We Create Fortune

VIC	117.10	GIẢM	TĂNG		121.85			112.00	113.76	4.55%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.30		
VJC	144.00	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	3.30%		124.50	137.02	15.66%	
VND	14.05	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.35%			14.88		
VNG	21.25	GIẢM	TĂNG		21.77			20.20	21.17	5.20%	
VNM	124.40	GIẢM	TĂNG		126.59			130.10	124.25	-4.38%	BÁN
VPB	21.30	GIẢM	TĂNG		21.93			20.30	20.56	4.93%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	
VRC	18.50	TĂNG	TĂNG	16.05	16.93	15.26%		17.30	15.06	6.94%	
VRE	35.30	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	7.95%		35.05	32.08	0.71%	
VSC	24.90	GIẢM	GIẢM		25.74				28.61		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.20	GIẢM	TĂNG		25.04			24.00	22.32	0.83%	
BID	41.65	TĂNG	TĂNG	40.80	40.99	2.08%		33.40	37.33	24.70%	
BSR	10.20	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	2.00%			10.51		
BVH	72.50	TĂNG	GIẢM	74.00	71.81	-2.03%			75.79		
CTG	21.50	GIẢM	TĂNG		22.28			22.00	20.78	-2.27%	
FPT	58.30	GIẢM	TĂNG		60.44			40.23	54.99	44.93%	
GAS	107.50	TĂNG	GIẢM	104.50	105.51	2.87%			109.55		
GEX	21.00	TĂNG	TĂNG	21.50	20.15	-2.33%		20.26	20.77	3.65%	BÁN
GVR	13.70	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-5.52%			N/A		
HDB	28.80	GIẢM	TĂNG		29.66			28.00	27.29	2.86%	
HNG	14.75	GIẢM	GIẢM		15.26				16.29		
HPG	22.80	TĂNG	GIẢM	22.20	22.06	2.70%			23.82		
HVN	34.75	GIẢM	GIẢM		36.33				36.93		
KDH	26.00	GIẢM	TĂNG		26.99			24.00	24.58	8.33%	
MBB	22.75	GIẢM	TĂNG		23.38			19.72	21.83	15.37%	
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM		76.77				81.14		
MWG	119.00	GIẢM	TĂNG		122.31			88.70	114.78	34.16%	
NVL	58.30	GIẢM	GIẢM		59.33				63.39		
OIL	10.00	GIẢM	GIẢM		10.24				11.75		
PLX	60.00	TĂNG	GIẢM	59.30	58.65	1.18%			61.98		
PNJ	84.50	TĂNG	TĂNG	81.90	83.11	3.17%		77.07	78.69	9.64%	
POW	13.75	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	6.59%			13.98		

We Create Fortune

QNS	30.50	TĂNG	TĂNG	29.40	29.58	3.74%		33.26	27.80	-8.29%	
REE	38.00	TĂNG	TĂNG	37.95	36.80	0.13%		33.33	35.23	14.03%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		25.92				27.61		
SBT	18.80	TĂNG	TĂNG	18.90	18.25	-0.53%		17.50	17.44	7.43%	
SSI	21.10	GIẢM	GIẢM		21.76				22.27		
STB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.06				11.09		
TCB	24.75	GIẢM	TĂNG		25.46			22.65	22.56	9.27%	
TPB	22.35	TĂNG	GIẢM	22.70	22.12	-1.54%			23.94		
VCB	91.00	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.00	46.77%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		18.44	25.02	48.04%	
VCS	86.90	GIẢM	GIẢM		89.70				101.83		
VEA	49.60	GIẢM	GIẢM		50.92				59.45		
VGI	29.80	GIẢM	N/A		31.15				N/A		
VHM	96.50	GIẢM	TĂNG		100.18			89.13	89.66	8.27%	
VIB	17.60	GIẢM	TĂNG		18.23			15.00	16.56	17.30%	
VIC	117.10	GIẢM	TĂNG		121.85			112.00	113.76	4.55%	
VJC	144.00	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	3.30%		124.50	137.02	15.66%	
VNM	124.40	GIẢM	TĂNG		126.59			130.10	124.25	-4.38%	BÁN
VPB	21.30	GIẢM	TĂNG		21.93			20.30	20.56	4.93%	
VRE	35.30	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	7.95%		35.05	32.08	0.71%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ASM	6.27	GIẢM	GIẢM		6.52			6.66	6.38	-4.25%	BÁN
BMI	26.20	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-1.87%	
BMP	54.00	TĂNG	TĂNG	54.00	53.83	0.00%	MUA	48.30	48.32	11.80%	
CII	24.70	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	1.02%	
CTI	23.20	GIẢM	TĂNG		25.08			25.05	22.66	-7.39%	
D2D	88.60	TĂNG	TĂNG	72.50	83.14	22.21%		83.10	70.75	6.62%	
DBD	59.70	GIẢM	TĂNG	55.10	60.57	9.92%	BÁN	38.65	50.35	54.46%	
DCM	7.00	GIẢM	GIẢM		7.22			7.63	7.15	-6.34%	BÁN
DGW	25.80	GIẢM	TĂNG		26.81			23.04	23.69	11.99%	
DHC	38.35	TĂNG	TĂNG	33.00	37.71	16.21%		37.70	34.08	1.72%	
DIG	13.70	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.44%	
DPM	13.70	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-8.36%	
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.94%	



We Create Fortune

DXG	15.50	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-4.91%		15.50	14.86	0.00%	
E1VFN30	15.40	GIẢM	TĂNG		15.71			15.26	14.84	0.92%	
FLC	4.31	GIẢM	TĂNG		4.59			4.63	4.02	-6.91%	
GEG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.10	27.42	0.53%		12.50	25.04	125.96%	
GMD	25.00	GIẢM	TĂNG		25.62			26.91	24.57	-7.10%	
GTN	20.85	GIẢM	TĂNG		21.87			15.00	18.98	39.00%	
HCM	24.65	GIẢM	TĂNG		26.02			23.40	21.97	5.34%	
HDC	23.30	TĂNG	TĂNG	23.30	22.47	0.00%		15.25	20.01	52.79%	
HDG	34.50	GIẢM	TĂNG		35.64			35.30	32.61	-2.27%	
HPX	26.75	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-2.73%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.15	TĂNG	TĂNG	7.19	7.43	13.35%		7.75	7.42	5.16%	MUA
HT1	14.90	GIẢM	TĂNG	15.34	14.93	-2.69%	BÁN	16.90	13.90	-11.83%	
IDI	5.20	GIẢM	GIẢM		5.46			7.53	5.22	-30.66%	
IJC	15.90	TĂNG	TĂNG	16.15	15.17	-1.55%		13.10	13.74	21.37%	
ITA	3.10	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-5.78%		3.20	2.96	-3.13%	
KBC	14.85	TĂNG	TĂNG	14.90	14.50	-0.34%		14.85	13.91	0.02%	
KDC	20.80	GIẢM	TĂNG		21.67			21.90	19.02	-5.02%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%		26.30	25.20	5.32%	
LDG	10.05	GIẢM	GIẢM		10.60			9.89	10.08	1.90%	BÁN
MBG	42.30	GIẢM	TĂNG		58.12			5.10	33.78	729.41%	
NLG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.22%		26.28	26.73	7.49%	
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%		8.50	8.20	7.06%	
PC1	19.10	TĂNG	TĂNG	20.30	19.06	-5.91%		19.30	18.48	-1.04%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	10.62%	
PTB	73.30	GIẢM	TĂNG		75.19			60.78	68.51	20.60%	
PVD	16.40	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-3.24%		18.10	15.96	-9.39%	
PVT	17.90	TĂNG	TĂNG	17.30	16.96	3.47%		17.31	16.28	3.44%	
SHS	8.30	TĂNG	TĂNG	7.30	8.12	13.70%		8.40	7.36	-1.19%	
TCH	25.70	TĂNG	TĂNG	23.30	25.35	10.30%		26.15	25.19	-1.72%	MUA
VNG	21.25	GIẢM	TĂNG		21.77			20.20	21.17	5.20%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	
ASM	6.27	GIẢM	GIẢM		6.52			6.66	6.38	-4.25%	BÁN
BMI	26.20	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-1.87%	
BMP	54.00	TĂNG	TĂNG	54.00	53.83	0.00%	MUA	48.30	48.32	11.80%	
CII	24.70	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	1.02%	
CTI	23.20	GIẢM	TĂNG		25.08			25.05	22.66	-7.39%	
D2D	88.60	TĂNG	TĂNG	72.50	83.14	22.21%		83.10	70.75	6.62%	
DBD	59.70	GIẢM	TĂNG	55.10	60.57	9.92%	BÁN	38.65	50.35	54.46%	

We Create Fortune

DCM	7.00	GIẢM	GIẢM		7.22			7.63	7.15	-6.34%	BÁN
DGW	25.80	GIẢM	TĂNG		26.81			23.04	23.69	11.99%	
DHC	38.35	TĂNG	TĂNG	33.00	37.71	16.21%		37.70	34.08	1.72%	
DIG	13.70	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.44%	
DPM	13.70	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-8.36%	
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.94%	
DXG	15.50	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-4.91%		15.50	14.86	0.00%	
E1VFN30	15.40	GIẢM	TĂNG		15.71			15.26	14.84	0.92%	
FLC	4.31	GIẢM	TĂNG		4.59			4.63	4.02	-6.91%	
GEG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.10	27.42	0.53%		12.50	25.04	125.96%	
GMD	25.00	GIẢM	TĂNG		25.62			26.91	24.57	-7.10%	
GTN	20.85	GIẢM	TĂNG		21.87			15.00	18.98	39.00%	
HCM	24.65	GIẢM	TĂNG		26.02			23.40	21.97	5.34%	
HDC	23.30	TĂNG	TĂNG	23.30	22.47	0.00%		15.25	20.01	52.79%	
HDG	34.50	GIẢM	TĂNG		35.64			35.30	32.61	-2.27%	
HPX	26.75	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-2.73%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.15	TĂNG	TĂNG	7.19	7.43	13.35%		7.75	7.42	5.16%	MUA
HT1	14.90	GIẢM	TĂNG	15.34	14.93	-2.69%	BÁN	16.90	13.90	-11.83%	
IDI	5.20	GIẢM	GIẢM		5.46			7.53	5.22	-30.66%	
IJC	15.90	TĂNG	TĂNG	16.15	15.17	-1.55%		13.10	13.74	21.37%	
ITA	3.10	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-5.78%		3.20	2.96	-3.13%	
KBC	14.85	TĂNG	TĂNG	14.90	14.50	-0.34%		14.85	13.91	0.02%	
KDC	20.80	GIẢM	TĂNG		21.67			21.90	19.02	-5.02%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%		26.30	25.20	5.32%	
LDG	10.05	GIẢM	GIẢM		10.60			9.89	10.08	1.90%	BÁN
MBG	42.30	GIẢM	TĂNG		58.12			5.10	33.78	729.41%	
NLG	28.25	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.22%		26.28	26.73	7.49%	
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%		8.50	8.20	7.06%	
PC1	19.10	TĂNG	TĂNG	20.30	19.06	-5.91%		19.30	18.48	-1.04%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	10.62%	
PTB	73.30	GIẢM	TĂNG		75.19			60.78	68.51	20.60%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.90	GIẢM	GIẢM		9.11				10.21		



We Create Fortune

AGR	4.10	GIẢM	GIẢM		4.23			4.73			
AMD	1.87	TĂNG	TĂNG	1.77	1.62	5.65%		1.70	1.67	10.00%	MUA
APG	9.79	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	11.76%		9.90	7.90	-1.11%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25		
BCG	9.05	TĂNG	TĂNG	8.60	8.62	5.23%		6.39	7.30	41.63%	
C4G	6.10	GIẢM	GIẢM		6.50				7.72		
C69	10.80	GIẢM	GIẢM		15.36				21.31		
CCL	6.20	GIẢM	GIẢM		6.85				8.55		
CVT	22.55	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	10.81%	
DAH	9.60	GIẢM	GIẢM		10.42				11.48		
DLG	1.59	GIẢM	GIẢM		1.67				1.65		
DRH	4.71	GIẢM	GIẢM		4.99				6.50		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.31				15.49		
EVG	2.75	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-1.08%			2.90		
FIT	4.30	GIẢM	TĂNG		4.47			3.64	3.79	18.13%	
FTM	2.96	GIẢM	GIẢM		3.38				6.26		
FUES SV50	13.30	GIẢM	TĂNG		13.50			12.85	13.14	3.50%	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%			15.54		
HAH	12.50	GIẢM	GIẢM		13.27				14.83		
HAI	2.46	TĂNG	TĂNG	1.69	2.11	45.56%		1.88	1.63	30.85%	
HAR	3.80	GIẢM	GIẢM		4.07			3.90	3.88	-0.61%	MUA
HDA	10.90	GIẢM	GIẢM		11.09				12.03		
HHP	11.90	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-2.46%			13.51		
HHS	3.07	GIẢM	TĂNG		3.18			3.36	2.94	-8.63%	
HID	2.29	GIẢM	TĂNG		2.52			2.63	2.16	-12.93%	
HII	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15				12.29		
HQC	1.05	GIẢM	GIẢM		1.12				1.23		
HSL	7.63	GIẢM	GIẢM		7.98				9.13		
HUT	2.60	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	8.33%			2.71		
HVG	6.84	GIẢM	TĂNG		7.72			3.90	4.43	75.38%	
HVH	17.35	GIẢM	GIẢM		18.49				20.94		
IDJ	7.10	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	-1.39%	
JVC	4.30	GIẢM	GIẢM		4.32				4.91		
KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%			1.48		
LCG	8.55	TĂNG	GIẢM	8.55	8.24	0.00%			9.32		
LGL	9.10	GIẢM	TĂNG		9.45			7.11	8.39	27.93%	
LHG	16.35	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	4.81%			16.89		
LMH	12.50	GIẢM	#N/A		12.81				#N/A		

We Create Fortune

MST	4.00	TĂNG	TĂNG	3.80	3.83	5.26%		3.40	2.97	17.65%	
NDN	16.90	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	28.96%	
PHC	11.95	GIẢM	TĂNG		12.36			14.20	11.21	-15.85%	
PLP	9.99	GIẢM	GIẢM		10.52				12.21		
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.81			19.42	18.62	-1.12%	
PVC	7.60	GIẢM	TĂNG		7.68			6.70	6.66	13.43%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40				1.50		
PXL	7.20	TĂNG	TĂNG	5.50	6.50	30.91%		6.70	4.94	7.46%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39			5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.42	TĂNG	GIẢM	2.35	2.29	2.98%			2.79		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.32				2.94		
TDC	8.60	GIẢM	TĂNG		8.86			7.05	8.48	21.92%	
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		5.88			3.20	4.11	78.13%	
TLH	4.34	TĂNG	GIẢM	4.06	3.79	6.90%			4.43		
TNA	20.30	TĂNG	TĂNG	13.70	18.30	48.18%		11.45	16.37	77.27%	
TNI	10.20	TĂNG	GIẢM	10.20	10.16	0.00%	MUA		10.89		
TSC	3.50	GIẢM	TĂNG		4.13			1.58	2.77	121.52%	
TTF	2.95	TĂNG	GIẢM	2.95	2.92	0.00%	MUA		3.22		
TTH	2.70	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-6.90%			3.16		
TVC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.55			14.30	14.38	6.29%	
VC3	17.60	TĂNG	TĂNG	25.50	17.06	-30.98%		22.00	15.24	-20.00%	
VCR	14.80	GIẢM	GIẢM		16.42				23.58		
VNA	4.00	GIẢM	TĂNG		4.60			4.70	3.92	-14.89%	
VNE	3.60	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	18.50	TĂNG	TĂNG	16.05	16.93	15.26%		17.30	15.06	6.94%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	1008.35	0.54%	HNI	105.49	0.32%	UPCoM	57.02	0.19%
VN30	926.07	0.56%	HN30	186.86	0.33%			
VN Mid	966.82	0.42%	VNX	889.03	0.50%			
VN Small	785.89	0.06%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	773.42		Mua	5.75		Mua	39.52	
Bán	800.43		Bán	8.16		Bán	10.01	
GT ròng	-27.01		GT ròng	-2.40		GT ròng	29.51	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FLC	280	6.95%	AMV	1500	7.58%	HTM	700	4.79%
HVG	440	6.88%	HUT	100	4.00%	CTR	1000	2.06%
TTF	170	6.12%	VCS	1700	2.00%	SIP	1900	1.88%
IMP	3000	5.88%	TVC	200	1.33%	VGI	500	1.71%
VCB	3400	3.88%	SHS	100	1.22%	MCH	1100	1.49%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTB	-800	-6.93%	PVI	-300	-0.94%	SDI	-1100	-0.95%
TSC	-210	-5.66%	TAR	-300	-0.93%	GVR	-100	-0.72%
FRT	-1850	-5.37%	L14	-400	-0.68%	BOT	-300	-0.53%
DBD	-3300	-5.24%	VCG	-100	-0.36%	NHH	-200	-0.41%
TVB	-450	-3.31%	DL1	0	0.00%	VEA	-200	-0.40%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	391,809		ACB	40,088		ACV	166,850	
VCB	337,508		VCS	13,904		VGI	89,984	
VHM	323,228		VCG	12,059		VEA	65,889	
VNM	216,627		PVS	9,034		GVR	54,848	
GAS	205,750		SHB	7,820		MCH	52,105	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	32,842,200	28,038,697	NVB	1,609,200	2,253,890	BSR	4,033,578	2,412,936
HPG	18,729,634	6,789,248	ACB	1,398,521	5,149,924	VIB	359,596	778,963
SBT	13,968,283	3,204,395	HUT	1,064,370	1,460,471	LPB	343,745	620,612
GTN	10,775,220	2,853,836	SPI	1,057,600	183,713	QNS	292,017	244,435
VRE	9,011,681	4,585,228	SHB	1,034,709	3,088,416	CTR	246,206	237,493

Nguồn: Bloomberg & YSVN

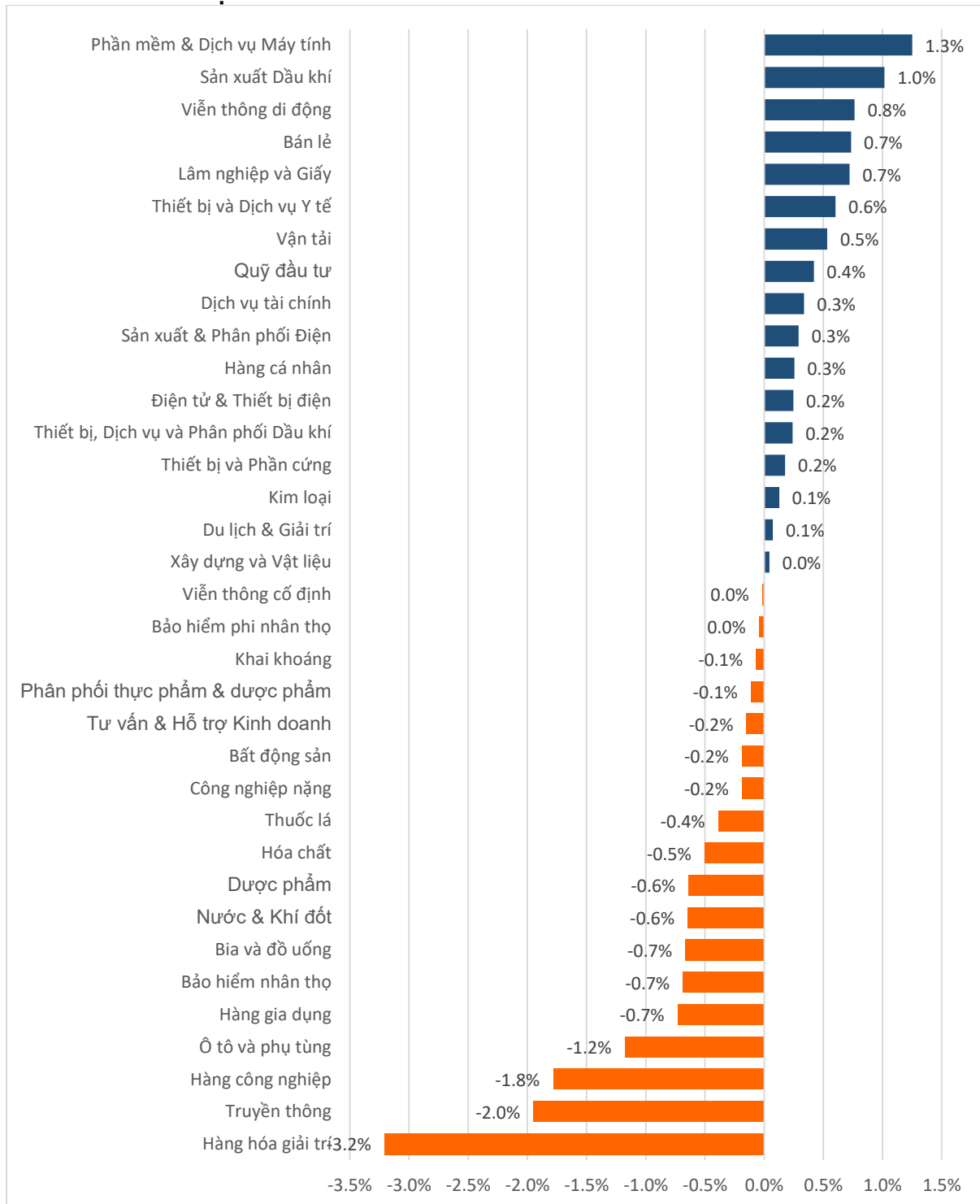
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



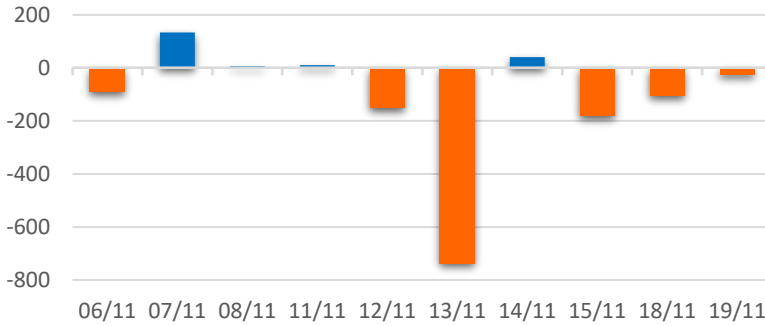
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

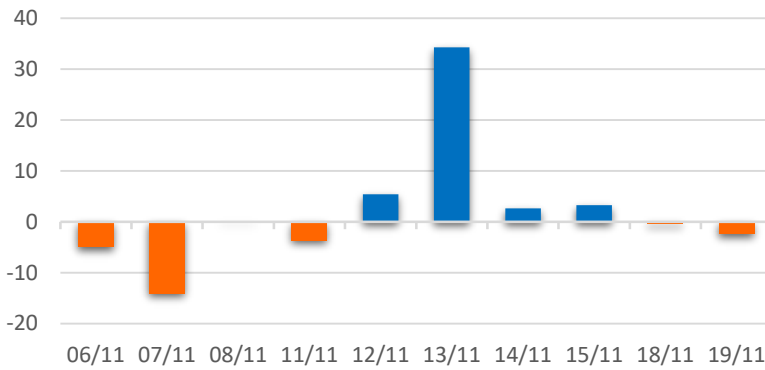
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	104,269	VIC	45,276
HDB	8,890	VJC	30,684
PVT	7,395	HPG	23,058
E1VFN30	5,929	MSN	13,709
BMP	4,689	BID	8,628

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

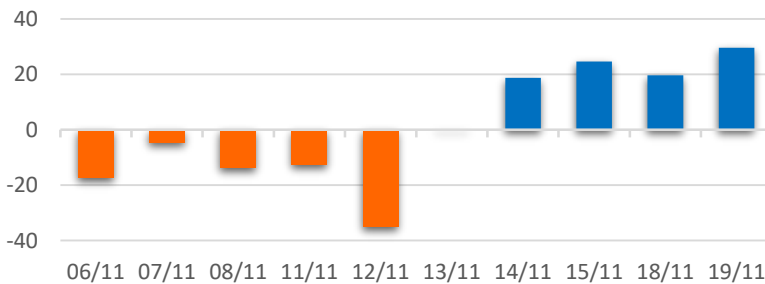
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	3,373	VCS	4,467
IDV	197	DHT	759
TNG	110	MBS	420
PTI	63	HUT	376
LAS	46	PIA	59

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	15,236	IDC	279
QNS	7,571	GVR	82
MCH	2,653	CLX	22
VEA	1,680	DPH	13
OIL	1,355	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



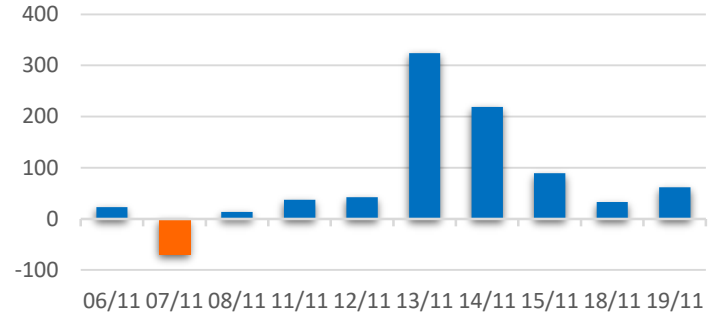
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

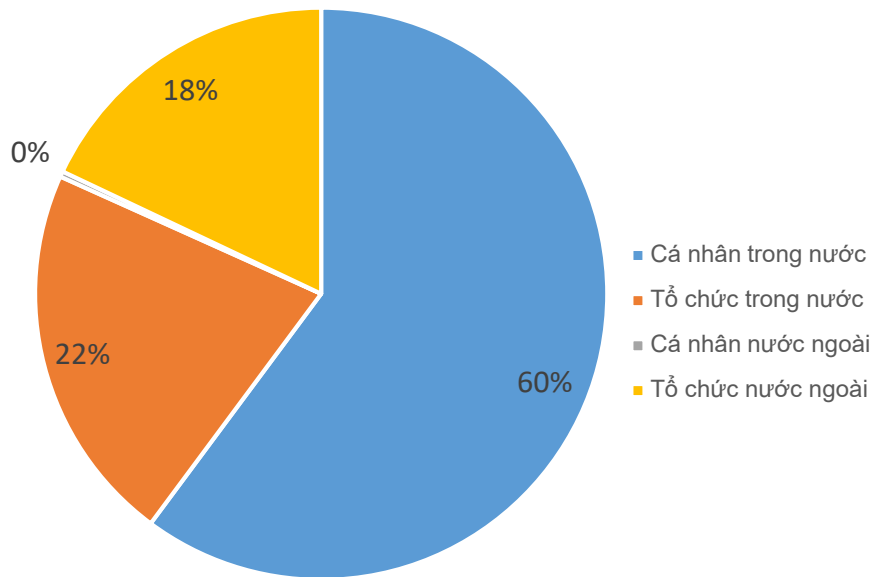
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	25,333	MBB	15,137
VHM	13,555	HPG	11,205
FPT	10,596	VNM	10,199
MBB	10,169	FPT	9,481
HPG	9,612	E1VFN30	5,957

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

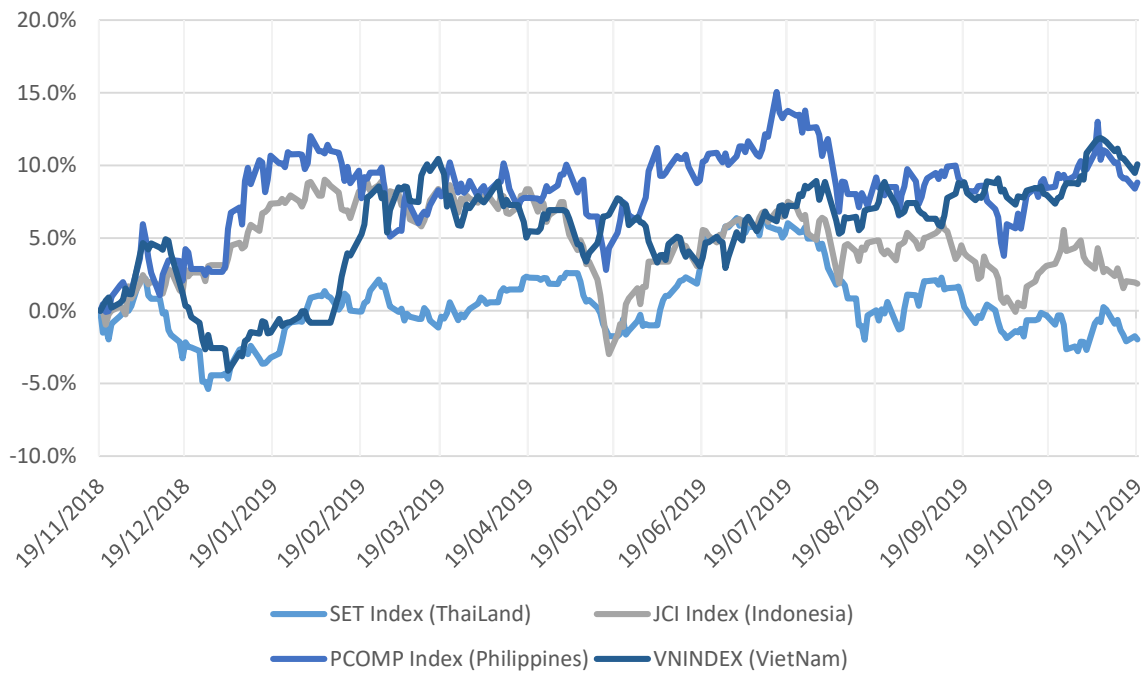


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

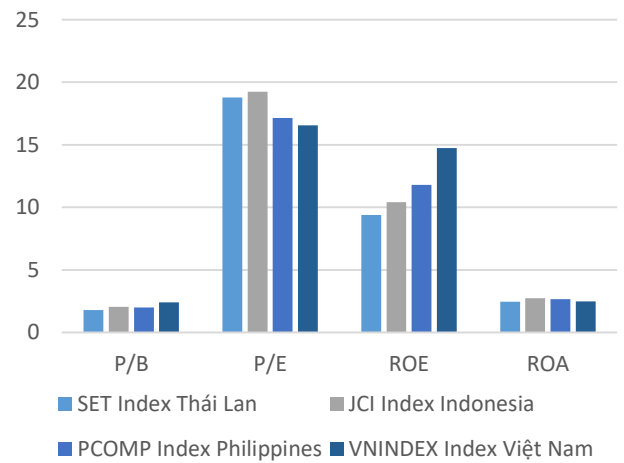
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.0x	2.0x	2.4x
P/E		18.9x	19.2x	17.1x	16.6x
ROE	%	9.36	10.46	11.90	14.75
ROA	%	2.45	2.75	2.68	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	558.18	500.03	195.60	148.76
GTGD	Triệu USD	1.32	0.36	0.06	0.16
LS cổ tức	%	3.12	2.46	1.65	1.99

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written